

Bản án số 48/2018/HSST
Ngày 31 tháng 08 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thiện Thành
Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Công Hiến
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Thư ký toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - là thư ký Toà án nhân dân huyện Viễn, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 31/08/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2018/HSST ngày 17/07/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 08 năm 2018, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1994; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại thôn C, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/11/2017, chuyển tạm giam ngày 21/11/2017 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thanh S, sinh năm 1999; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công Đ và bà Đoàn Thị T; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/11/2017, chuyển tạm giam ngày 18/11/2017 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Anh **Đinh Văn T**, sinh năm 1992; trú tại thôn V, xã G, huyện V, tỉnh N. (Hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc). Có mặt tại phiên tòa.

Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1987; trú tại phố N, thị trấn P, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa.

Anh **Nguyễn Công M**, sinh năm 1993; trú tại thôn 2 K, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa.

Anh **Trần Quang N**, sinh năm 1990; trú tại thôn 3 K, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa.

Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1995; trú tại phố T, thị trấn M, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1980. Vắng mặt tại phiên tòa.

Anh **Phạm Văn K1**, sinh năm 1980. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn L và Trần Thanh S có quan hệ quen biết và đều là người sử dụng ma túy, để có ma túy sử dụng, trong khoảng thời gian từ ngày 18/9/2017 đến ngày 09/11/2017, L và S đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho những người nghiện khác để kiếm lời, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Đinh Văn T là người sử dụng ma túy đá, biết Nguyễn Văn L bán ma túy đá, nên ngày 18/9/2017, T sử dụng số điện thoại 0942.**** của T gọi đến số điện thoại 01674.**** của L hỏi mua ma túy đá để sử dụng với giá 500.000 đồng. L nói: *“Không có, tao có bán đâu”* L tắt máy. Sau đó, L gọi điện lại cho T nói *“Lấy bao nhiêu”*. T nói: *“Để cho tao túi năm”*. L đồng ý và nói: *“Mày đi ra chỗ uỷ ban nhân dân xã G đi”*. T mang theo số tiền 500.000 đồng và đi bộ từ nhà ra khu vực cổng Uỷ ban nhân dân xã G chờ. L đưa cho Trần Thanh S một túi ma túy đá đựng trong túi nilon màu trắng được gói ngoài bằng giấy bạc màu vàng và nói: *“Mang ra trước cửa Uỷ ban nhân dân xã G giao cho thằng T và lấy 500.000 đồng”*. S đồng ý và cầm túi ma túy đá L vừa đưa, rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát *****, đi đến khu vực cổng Uỷ ban nhân dân xã G thì gặp T đang đứng đợi ven đường. S dừng xe và nói *“Anh L bảo em mang đồ cho anh”*. Sau đó, S đưa ma túy đá cho T và lấy số tiền 500.000 đồng về đưa cho L. Số ma túy trên T mang đi để sử dụng cho bản thân hết.

Lần thứ hai: Nguyễn Công M là người sử dụng ma túy đá và biết Nguyễn Văn L bán ma túy đá, nên ngày 24/10/2017 M dùng số điện thoại 0969.**** của M gọi đến số 01674.**** của L hỏi mua ma túy đá nhưng L không nghe máy. M liền gọi điện thoại đến số 0987.**** của Trần Quang N nhờ N gọi điện thoại cho L để M gọi hỏi mua ma túy, N đồng ý và gọi điện thoại cho L. Sau đó N gọi điện thoại lại cho M nói: *“Mày vào đi, tao gọi điện cho nó rồi”*. M tiếp tục gọi điện thoại cho L, để hỏi mua của L 01 túi ma túy đá giá 300.000 đồng, L đồng ý và nói: *“Tao không có ở nhà, cứ vào nhà thằng S đưa cho”*, đồng thời L đưa cho S một túi ma túy đá và nói: *“Tí thằng M vào thì bán cho nó lấy 300.000 đồng”*, rồi lấy xe máy của S đi ra ngoài. Khoảng 20 phút sau, M dừng xe ở cổng nhà L, thấy M đến thì S mang túi ma túy đá L đưa trước đó ra bán cho M với giá 300.000 đồng. Số tiền bán ma túy cho M, S đưa lại cho L. Số ma túy trên M mang đi để sử dụng cho bản thân hết.

Lần thứ ba: Nguyễn Văn L có quan hệ quen biết với Nguyễn Văn K, là người sử dụng ma túy, nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/11/2017 K sử dụng số

điện thoại 0914.303.158 gọi đến số điện thoại 01674.**** của L hỏi mua một gói ma túy đá giá 300.000 đồng, L đồng ý. Nhưng lúc này, L đang bị Cảnh sát giao thông Công an huyện H giữ xe tại thị trấn T, huyện H nên L nói K đến chỗ L để trao đổi mua bán ma túy. Sau đó K rủ Phạm Văn K1, sinh năm 1980, đi cùng K đến gặp L để mua ma túy đá. Khi K gặp L, K đưa cho L 300.000 đồng để mua ma túy. L cầm số tiền và còn vay thêm K số tiền 100.000 đồng. Do lúc này L chưa có ma túy đá, lại không xin được xe nên L nhờ K, K1 chở về nhà mình. Khi về đến nhà, L rủ K vào nhà và sử dụng phần ma túy đá có sẵn trong công thủy tinh mà L sử dụng trước đó. K hẹn L đến hôm sau sẽ lên lấy ma túy đá. Khoảng 9 giờ ngày 09/11/2017 L đi sang khu vực đầu cầu Non nước thuộc xã Y, huyện Ý, tỉnh N mua một túi ma túy đá với giá 700.000 đồng của một người phụ nữ không rõ lai lịch mang về nhà cất giấu, rồi ra thị trấn M chơi. Khoảng 13 giờ cùng ngày, K gọi điện thoại cho L hỏi mua 02 túi ma túy đá. Ngày 08/11/2017 L đã cầm của K số tiền 400.000 đồng, nên K và L đã thống nhất K trả thêm 200.000 đồng nữa để mua của L 02 túi ma túy đá, L đồng ý và hẹn gặp K ở khu vực cổng trường cấp 2, xã G. Sau đó, K đi xe buýt từ nhà ở thị trấn P, huyện K đến khu vực gầm cầu Vượt, thuộc phường T, thành phố N thuê anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980, trú tại phố Đ, phường T, thành phố N, là xe ôm chở K đến cổng trường cấp 2, xã G. K gọi điện thoại cho L, lúc này L đang ở thị trấn M, huyện V cùng Trần Thanh S. L nói với S chở L về nhà; do xe của S bị hỏng nên L và S vào nhà chị Bùi Thị L để mượn xe. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-***** của chị L chở L về nhà L. Khi đến cổng, L nói S dừng xe đợi L ở cổng, L đi vào nhà lấy túi ma túy đá cất giấu ở túi quần bò đã mua từ sáng, mang ra đổ vào 03 vỏ túi nilon nhỏ hơn mà L đã mua từ trước, 01 túi L cất giấu trong túi quần bò và để trong ngăn tủ, 02 túi nilon còn lại L cho vào vỏ túi nilon đựng ma túy đá đã mua lúc sáng, rồi quần băng dính đen bên ngoài, mang ra đưa cho S nói: *“Cầm ra đưa cho người đang đợi ở cổng trường cấp 2 và lấy 200.000 đồng”*, S cất giấu túi ma túy đá trong túi quần trước bên trái mà mình mặc mang ra cổng trường cấp 2 xã G thì gặp K, xác định đó là người mua ma túy đá nên S đến đưa cho K gói ma túy đá L vừa đưa lúc trước và lấy của K số tiền 200.000 đồng, thì bị Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy của Công an tỉnh N phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ của Khoa 01 gói nhỏ gói ngoài bằng băng dính màu đen, bên trong có 02 túi nilon màu trắng đựng tinh thể màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen; thu giữ của S số tiền 200.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển kiểm soát 35B1-****. Nguyễn Văn L thấy Tổ công tác đến nhà mình thì bỏ trốn, đến ngày 18/11/2017 L đến cơ quan Công an tỉnh N đầu thú.

Tổ công tác tiến hành thu giữ và niêm phong đối với túi nilon có đặc điểm nêu trên thu giữ của Nguyễn Văn K trong một phong bì thư dán kín ký hiệu M và số tiền 200.000 đồng thu giữ của Trần Thanh S.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Nguyễn Văn L tại thôn C, xã G, huyện V, tỉnh N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N phát hiện và thu giữ:

- 01 quần bò màu xanh đã cũ trong ngăn tủ giữa phía dưới tủ tường, phòng khách, trong túi quần phía sau bên phải có một túi nilon màu trắng kích thước (1,5x2)cm trên mép túi có viền chỉ màu xanh, bên trong túi chứa chất dạng tinh thể màu trắng. (Được niêm phong theo quy định trong phong bì ký hiệu A).

- Thu giữ tại gầm giường phòng ngủ 01 túi nilon màu trắng kích thước (3,5x4)cm, phía trên mép có viền chỉ màu xanh, bên trong túi có chứa 14 vỏ túi nilon màu trắng đều có kích thước (2x2)cm, trên mép các túi đều có viền chỉ màu xanh.

- Thu giữ trên khay nước để tại gầm giường phòng ngủ phía đầu giường 02 túi nilon màu trắng đều có kích thước (1,5x1,5)cm, trên mép túi đều có viền chỉ màu xanh.

- Thu giữ tại gầm giường phòng ngủ, phía đầu giường một chai nhựa, phía trên nắp chai nhựa có đục lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa màu trắng, một lỗ cắm ống thủy tinh màu trắng, phía đầu ống thủy tinh cong hình tròn, dạng phễu.

Tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng các tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn K có tổng khối lượng là 0,1724 gam, ký hiệu M1. Khối lượng tinh thể màu trắng thu giữ tại nhà Nguyễn Văn L có khối lượng 0,1498 gam, ký hiệu M2. Các mẫu và vật chứng còn lại được bàn giao cho Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, để giám định về ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 224/KLGD-PC54-MT ngày 14/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, kết luận:

- **Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng ký hiệu M1 có khối lượng 0,1724 gam, M2 có khối lượng 0,1498 gam là ma túy, loại Methamphetamine.**

- **Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng ký hiệu M1, M2 gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine.**

Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng danh mục II, số thứ tự 67; Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm:

- 0,1115 gam chất dạng tinh thể màu trắng trong túi ký hiệu M1; 0,0936 gam chất dạng tinh thể màu trắng trong túi ký hiệu M2 đều là ma túy, loại Methamphetamine.

- Toàn bộ vỏ bao gói trong phong bì niêm phong ban đầu.

Tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 224/2017/GĐMT.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Văn L chỉ thừa nhận lần bán ma túy cho Nguyễn Văn K. Bị cáo Trần Thanh S thừa nhận hành vi bán ma túy cho Nguyễn Văn K ngày 09/11/2017, bán ma túy cho Đinh Văn T ngày 18/9/2017 và bán ma túy cho Nguyễn Công M ngày 24/10/2017.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS-GV ngày 17/07/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố **Nguyễn Văn L và Trần Thanh S** ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”, theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L và Trần Thanh S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Đinh Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Ngày 18/9/2017, anh sử dụng số điện thoại 0942.**** gọi đến số điện thoại 01674.**** của L hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá để sử dụng, thì L nói không có rồi tắt máy. Sau đó, L gọi điện lại đồng ý bán và hẹn gặp ở khu vực cổng Ủy ban nhân dân xã G. Khi T ra khu vực cổng Ủy ban nhân dân xã G chờ khoảng 10 phút thì thấy Trần Thanh S đi xe máy đến đưa ma túy đá cho T và lấy số tiền 500.000 đồng. Số ma túy trên T đã sử dụng hết.

Anh Nguyễn Công M trong quá trình điều tra trình bày: Ngày 24/10/2017 anh dùng số điện thoại 0969.**** gọi đến số 01674.**** của L hỏi mua ma túy đá nhưng L không nghe máy. Vì vậy, M gọi điện thoại đến số 0987.**** của Trần Quang N nhờ Nam gọi điện thoại cho L để M gọi hỏi mua ma túy. M tiếp tục gọi điện thoại cho L, L đồng ý bán 300.000 đồng 01 túi ma túy cho M. M đi đến cổng nhà L, thì S đến đưa ma túy đá cho M và lấy số tiền 300.000 đồng. Số ma túy trên M đã sử dụng hết.

Anh Trần Quang N trong quá trình điều tra trình bày: Ngày 24/10/2017, M có gọi điện nhờ anh gọi điện cho L để M mua 300.000 đồng ma túy của L. Sau đó, N có gọi cho L bảo L nghe điện thoại của M.

Anh Nguyễn Văn K trong quá trình điều tra trình bày: Ngày 08/11/2017 K sử dụng số điện thoại 0914.**** gọi đến số điện thoại 01674.***** của L hỏi mua một gói ma túy đá giá 300.000 đồng. Lúc này, L đang bị Cảnh sát giao thông Công an huyện H giữ xe tại thị trấn T, huyện H nên L nói K đến chỗ L. Sau đó, K rủ Phạm Văn K1 đi cùng. Khi K gặp L, K đưa cho L 300.000 đồng để mua ma túy và cho L vay 100.000 đồng. K hẹn L đến hôm sau sẽ lên lấy ma túy. Khoảng 13 giờ ngày 09/11/2017, K gọi điện thoại cho L hỏi mua 02 túi ma túy đá. Ngày 08/11/2017 L đã cầm của K số tiền 400.000 đồng, nên K và L đã thống nhất K trả thêm 200.000 đồng nữa để mua của L 02 túi ma túy đá và hẹn gặp K ở khu vực cổng trường cấp 2, xã G. Sau đó, K thuê anh Nguyễn Văn Q, là xe ôm chở K đến cổng trường cấp 2, xã G, đợi đến khoảng hơn 15 giờ cùng ngày, thì S đi xe máy đến đưa cho K gói ma túy đá và lấy của K số tiền 200.000 đồng, thì bị Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy của Công an tỉnh N phát hiện, bắt quả tang.

Chị Trần Thị L trong quá trình điều tra trình bày: Ngày 09/11/2017, chị có cho bị cáo L mượn xe mô tô BKS 35B1-****, chị không biết việc bị cáo mượn xe của chị để sử dụng xe làm phương tiện đi bán ma túy, sau khi vụ án xảy ra chị mới biết. Hiện chị đã được cơ quan Công an trả lại chiếc xe mô tô BKS 35B1-**** và chị không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội

của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn L và Trần Thanh S** phạm tội “**mua bán trái phép chất ma túy**”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 07 (bảy) năm đến 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2018. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Thanh S từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2018.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy một phong bì niêm phong ghi số 224/2017/GĐMT, bên trong có 0,1115 gam chất dạng tinh thể màu trắng trong túi ký hiệu M1; 0,0936 gam chất dạng tinh thể màu trắng trong túi ký hiệu M2 đều là ma túy, loại Methamphetamine; Toàn bộ vỏ bao gói trong phong bì niêm phong ban đầu; 01 túi nilon màu trắng phía trên có mép chỉ màu xanh, kích thước (3,5x4)cm, trong túi nilon màu trắng có chứa 14 túi nilon màu trắng đều có kích thước (02x02)cm trên các mép túi đều có chỉ màu xanh; 02 túi nilon màu trắng đều có chỉ màu xanh đã qua sử dụng, kích thước (1,5x1,5)cm; 01 chai nhựa phía trên nắp có đục hai lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa màu trắng, một lỗ có cắm ống thủy tinh hình trụ, trên đầu ống dạng phễu, đã qua sử dụng; 01 quần bò màu xanh, đã cũ; 01 phong bì thư niêm phong, bên trong đựng 02 vỏ phong bì niêm phong số tiền 200.000 đồng ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng, thu giữ của Trần Thanh S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, thu giữ của Nguyễn Văn K, là tiền do phạm tội mà có và phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội,

Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo **Nguyễn Văn L** là 1.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L và Trần Thanh S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với biên bản vụ việc, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn L và Trần Thanh S, là bạn bè quen biết nhau và đều là người sử dụng ma túy, để có tiền sử dụng trái phép chất ma túy, trong khoảng thời gian từ ngày 18/9/2017 đến ngày 09/11/2017, L và S đã

03 lần bán trái phép chất ma túy cho Đinh Văn T, Nguyễn Công M và Nguyễn Văn K để kiếm lời.

Điều 194: Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a, ...;

b, Phạm tội nhiều lần;

...;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định một năm đến năm năm.

[2]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L và Trần Thanh S đã nêu trên là phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, là một trong các nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ và sự phát triển bình thường của nòi giống, làm khánh kiệt kinh tế của người sử dụng chất ma túy, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục cải tạo các bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[4]. Đối với Nguyễn Văn L là người sử dụng trái phép chất ma túy, để có tiền sử dụng ma túy và tiêu sài cá nhân L đã mua ma túy đá về sử dụng một phần phần còn lại bán cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời; L cũng là người trực tiếp trao đổi, thỏa thuận mua bán ma túy, là người thu lời từ việc bán ma túy. Vì vậy, Nguyễn Văn L giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

[5]. Đối với Trần Thanh S là người sử dụng trái phép chất ma túy, để được L cho sử dụng ma túy, S đã trực tiếp mang ma túy của L đưa để giao cho những đối tượng mua và mang tiền về đưa cho L. Vì vậy, Trần Thanh S là đồng phạm, giữ vai trò sau bị cáo Lộc.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn L và Trần Thanh S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo S khai nhận hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo Nguyễn Văn L đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo S.

[8]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo Trần Thanh S là người đồng phạm giúp sức cho bị cáo L bán ma túy, để bị cáo L cho sử dụng ma túy, không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Phạt bổ sung thêm đối với bị cáo Nguyễn Văn L theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[10]. Về xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn K ký hiệu M1 có tổng khối lượng là 0,1724 gam, Methamphetamine. Số ma túy thu giữ tại nhà Nguyễn Văn L ký hiệu M2 có tổng khối lượng 0,1498 gam, Methamphetamine. Sau khi lấy mẫu giám định, khối lượng Methamphetamine còn lại 0,1115 gam trong túi ký hiệu M1; 0,0936 gam trong túi ký hiệu M2. Tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 224/2017/GĐMT; Toàn bộ vỏ bao gói trong phong bì niêm phong ban đầu; 01 túi nilon màu trắng phía trên có mép chỉ màu xanh, kích thước (3,5x4)cm, trong túi nilon màu trắng có chứa 14 túi nilon màu trắng đều có kích thước (02x02)cm trên các mép túi đều có chỉ màu xanh; 02 túi nilon màu trắng đều có chỉ màu xanh đã qua sử dụng, kích thước (1,5x1,5)cm; 01 chai nhựa phía trên nắp có đục hai lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa màu trắng, một lỗ có cắm ống thủy tinh hình trụ, trên đầu ống dạng phễu, đã qua sử dụng; 01 quần bò màu xanh, đã cũ là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, và vật chứng không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, thu giữ của Nguyễn Văn K là phương tiện K dùng để liên lạc, trao đổi mua ma túy với L. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 200.000 đồng, thu giữ của Trần Thanh S là số tiền do phạm tội mà có. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 500.000 đồng, S và L bán ma túy cho Đinh Văn T; số tiền 300.000 đồng, S và L bán ma túy cho Nguyễn Công M; số tiền 400.000 đồng L nhận của Nguyễn Văn K ngày 08/11/2017, để bán ma túy cho Nguyễn Văn K. Tổng

cộng 1.200.000 đồng; sau khi bán ma túy cho T và M, số tiền này S đều đưa cho L, đây là số tiền do phạm tội mà có. Cần truy thu của Nguyễn Văn L sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 35B1-728.11, thu giữ của Trần Thanh S. Quá trình điều tra xác định, đây tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị L. Việc L và S sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi bán ma túy chị L không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại chiếc xe trên cho chị Bùi Thị L, là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 18F4-****, Trần Thanh S sử dụng làm phương tiện đi bán ma túy. Quá trình điều tra xác định, đây tài sản hợp pháp của ông Trần Công Đ, sinh năm 1965 (là bố đẻ của S). Việc S sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi bán ma túy ông Đ không biết, do đó không có cơ sở để thu giữ và xử lý đối với xe mô tô nêu trên.

Đối với chiếc điện thoại lắp sim thuê bao 01674.**** mà Nguyễn Văn L sử dụng để liên lạc trao đổi, mua bán ma túy. Quá trình bỏ chạy, L đã đánh rơi không biết cụ thể ở đâu, nên không có căn cứ để truy tìm.

Đối với 01 điện thoại di động lắp sim thuê bao 0942.**** của Đinh Văn T, 01 chiếc điện thoại di động lắp sim thuê bao 0969.**** của Nguyễn Công M và 01 sim điện thoại di động lắp sim thuê bao 0987.**** của Trần Quang N. Quá trình điều tra T, N và M khai do điện thoại bị hỏng không sử dụng nữa, đã vứt đi không xác định được ở đâu, nên không có căn cứ truy tìm.

[11]. Đối với anh Nguyễn Văn Q, là người được K thuê chở đến trường cấp II xã G, huyện V, anh Q không biết việc K đi mua ma túy, nên không có căn cứ để xử lý đối với Q.

Đối với hành vi của Trần Quang N, ngày 24/10/2017 Nguyễn Công M nhờ N gọi điện cho Nguyễn Văn L để mua hộ ma túy về sử dụng. Sau khi mua được ma túy, M đã sử dụng cho bản thân hết. Tuy nhiên, N chưa có tiền án về các tội phạm về ma túy. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với N. Công an huyện V đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Trần Quang N là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn K, Nguyễn Công M và Đinh Văn T, là những người mua ma túy đá của Nguyễn Văn L và Trần Thanh S để sử dụng cho bản thân. Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh đã ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” đối với K, M, T là phù hợp.

[12]. Về nguồn gốc số Methamphetamine, L khai mua của người phụ nữ tại khu vực đầu cầu Non nước thuộc xã Y, huyện Ý, tỉnh N. Tuy nhiên, L không biết lai lịch, các đặc điểm nhận dạng và địa chỉ của người này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

[13] **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn L** và **Trần Thanh S** phạm tội "**Mua bán trái phép chất ma túy**".

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ 18/11/2017. Phạt tiền bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh S** 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ 09/11/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy một phong bì niêm phong ghi số 224/2017/GĐMT, bên trong có 0,1115 gam chất dạng tinh thể màu trắng trong túi ký hiệu M1; 0,0936 gam chất dạng tinh thể màu trắng trong túi ký hiệu M2 đều là ma túy, loại Methamphetamine; Toàn bộ vỏ bao gói trong phong bì niêm phong ban đầu; 01 túi nilon màu trắng phía trên có mép chỉ màu xanh, kích thước (3,5x4)cm, trong túi nilon màu trắng có chứa 14 túi nilon màu trắng đều có kích thước (02x02)cm trên các mép túi đều có chỉ màu xanh; 02 túi nilon màu trắng đều có chỉ màu xanh đã qua sử dụng, kích thước (1,5x1,5)cm; 01 chai nhựa phía trên nắp có đục hai lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa màu trắng, một lỗ có cắm ống thủy tinh hình trụ, trên đầu ống dạng phễu, đã qua sử dụng; 01 quần bò màu xanh, đã cũ; 01 phong bì thư niêm phong, bên trong đựng 02 vỏ phong bì niêm phong số tiền 200.000 đồng ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng, thu giữ của Trần Thanh S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, thu giữ của Nguyễn Văn K, là tiền do phạm tội mà có và phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội,

Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo **Nguyễn Văn L** là 1.200.000 đồng. (Số tiền tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước gửi tại tài sản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Đặc điểm các vật chứng tịch thu tiêu hủy, theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 18/07/2018, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn L và Trần Thanh S mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh N;*
 - *VKSND tỉnh N;*
 - *Công an huyện V;*
 - *Chi cục THADS huyện V;*
 - *VKSND huyện V;*
 - *Trại tạm giam CA tỉnh N;*
 - *Bị cáo; Ng-òì có QLNVLQ;*
 - *L- u hồ sơ, văn phòng;*
- (Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thiện Thành